

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về dự án:

1. Tên nhiệm vụ, mã số: “Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm nguồn gen cá ngựa đen (*Hippocampus kuda* Bleeker, 1852)”, NVQG-2019/DA.17

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*): Bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen

- Khác (*ghi cụ thể*):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung: Hoàn thiện quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen, nuôi khép kín vòng đời, xây dựng cơ sở cho việc chứng minh nguồn gốc của đối tượng nuôi.

Mục tiêu cụ thể:

- Quy trình sản xuất giống cá ngựa đen: khép kín vòng đời, Tỷ lệ thành thực cá bố mẹ $\geq 30\%$; tỷ lệ đẻ $\geq 60\%$; tỷ lệ ương nuôi từ cá bột lên cá giống (cỡ 10 -20 \pm 3mm) $\geq 60\%$; tỷ lệ sống ương nuôi cá giống lên cá con (cỡ 20 -60 \pm 5mm) $\geq 70\%$.

- Quy trình nuôi thương phẩm cá ngựa đen: tỷ lệ sống $\geq 80\%$.

- Tiêu chuẩn cơ sở cá bố mẹ, cá giống, cá thương phẩm của cá ngựa.

- Cá ngựa bố mẹ từ thế hệ F1: 2.400 con (≥ 120 mm/con).

- Cá ngựa hậu bị: 4.000 con (≥ 90 mm/con).

- Cá ngựa giống: 80.000 con (≥ 20 mm/con).

- Cá ngựa thương phẩm: 40.000 (60-120 mm/con).

- 01 mô hình sản xuất giống: quy mô 100.000 con (20-30 mm/con), tỷ lệ sống từ cá bột lên cá giống (≥ 20 mm/con) $\geq 50\%$, kích thước cá giống 20-30 mm/con.

- 03 mô hình nuôi thương phẩm trong bể (xi măng và composite) có sự tham gia của doanh nghiệp: quy mô ≥ 5.000 con/năm/mô hình, cá thương phẩm đạt kích thước 60-120 mm/con, tỷ lệ sống $\geq 80\%$.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: Nguyễn Thị Hải Thanh

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Chi nhánh Ven biển/Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga

5. Tổng kinh phí thực hiện: 10.620 triệu đồng.
Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.420 triệu đồng.
Kinh phí từ nguồn khác: 6.200 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 9/2019

Kết thúc: 5/2023

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: 45 tháng (từ tháng 9/2019 đến hết tháng 5/2023).

Theo Quyết định số 1705/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ “Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm nguồn gen cá ngựa đen (*Hippocampus kuda* Bleeker, 1852)’ mã số NVQG-2019/DA.17.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	TS. Nguyễn Thị Hải Thanh	Chủ nhiệm dự án	Chi nhánh Ven biển, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga
2	TS. Nguyễn Thị Lan	Thư ký	-Nt-
3	TS. Vũ Việt Dũng	Thành viên chính	-Nt-
4	CN. Võ Thị Hà	Thành viên chính	-Nt-
5	ThS. Đinh Thị Hải Yến	Thành viên chính	-Nt-
6	TS. Phan Trọng Huân	Thành viên chính	-Nt-
7	CN. Nguyễn Phương Liên	Thành viên chính	-Nt-
8	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Ngân	Thành viên	Viện Hải Dương học – Viện Khoa học VN
9	ThS. Phạm Thị Khanh	Thành viên	Viện Nuôi trồng Thủy sản – Trường Đại học Nha Trang
10	ThS. Nguyễn Đình Huy	Thành viên	-Nt-

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Quy trình sản xuất giống cá ngựa đen		x			x			x	
2	Quy trình nuôi thương phẩm cá ngựa đen		x			x			x	
3	Tiêu chuẩn cơ sở cá bố mẹ, cá giống, cá thương phẩm của cá ngựa		x			x			x	
4	Cá ngựa bố mẹ từ thế hệ F1		x			x			x	
5	Cá ngựa hậu bị		x			x			x	
6	Cá ngựa giống		x			x			x	
7	Cá ngựa thương phẩm		x			x			x	
8	01 mô hình sản xuất giống		x			x			x	
9	03 mô hình nuôi thương phẩm		x			x			x	
10	01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành và tham gia đào tạo 01 thạc sỹ		x			x			x	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao: không có

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng: không có

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Là công trình đầu tiên tại Việt Nam về nuôi vỗ thành thực cá ngựa đen bố mẹ F1 trong điều kiện nhân tạo. Cung cấp các thông số kỹ thuật về nuôi thuần dưỡng, nuôi vỗ thành thực, ương nuôi ấu trùng và nuôi thương phẩm cá ngựa đen F2.

Dự án triển khai tại vùng biển Nam Trung bộ, nơi đối tượng nguồn gen được phân bố tự nhiên nên đối tượng có đặc điểm sinh học phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng nuôi và có cơ sở mở rộng ra một số vùng ven biển Việt Nam. Hướng đến bảo tồn và khai thác bền vững nguồn gen quý hiếm đồng thời đáp ứng nhu cầu thị trường. Cung cấp cơ sở cho việc mở rộng quy mô sản phẩm có giá trị kinh tế, xuất khẩu ở khía cạnh làm cảnh với kích cỡ cá nhỏ (≤ 6 cm) và nguyên liệu sản xuất thuốc y học cổ truyền, có thị trường tiêu thụ nhiều tiềm năng.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

Xây dựng thành công mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen nhằm phát triển đối tượng mới, tăng việc làm, ngành nghề mới cho người dân vùng ven biển, tăng hiệu quả kinh tế nhờ sử dụng hiệu quả trại sản xuất giống, lồng bè nuôi, hạn chế dịch bệnh. Phát triển sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen cũng sẽ góp phần duy trì và phát triển bền vững nghề nuôi thủy sản ở Việt Nam.

Kết quả của nhiệm vụ đặt cơ sở ban đầu cho việc công bố quy trình nuôi khép kín vòng đời cá ngựa đen, hướng tới hoàn thiện các thủ tục pháp lý, tạo cơ sở cho việc phát triển đối tượng nuôi mới cung cấp cho thị trường xuất khẩu làm cảnh và thị trường xuất khẩu cá ngựa làm thuốc.

3.2. Hiệu quả xã hội

Dự án triển khai tại vùng biển Nam Trung bộ góp phần đảm bảo cho phát triển nguồn gen địa phương, tạo việc làm cho người dân ven biển, đảm bảo an sinh xã hội, tăng cường bảo vệ an ninh quốc phòng toàn dân.

Dự án “Sản xuất thử nghiệm giống và nuôi thương phẩm nguồn gen cá ngựa đen (*Hippocampus kuda* Bleeker, 1852)” góp phần hạn chế việc khai thác và sử dụng nguồn lợi cá ngựa đen từ tự nhiên, góp phần bảo tồn và sử dụng nguồn gen cá ngựa đen quý hiếm, một đối tượng thủy sản trong sách đỏ Việt Nam và được bảo vệ trên toàn thế giới, kết quả của dự án góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ sử dụng, khai thác bền vững nguồn gen, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu \checkmark vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn

- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do: Dự án đã hoàn thành đầy đủ nội dung, sản phẩm theo Hợp đồng Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ số DA.17/2019-HĐ-NVQG giữa Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước; Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật với Chi nhánh Ven biển/Trung tâm Nhiệt đới Việt – Nga ngày 05 tháng 09 năm 2019.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ



Nguyễn Thị Hải Thanh

GIÁM ĐỐC



Đại tá Nguyễn Như Hưng

